Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0302.72.90

Mã HS	0302.72.90
Mô tả hàng hóa	Cá, tươi hoặc ướp lạnh, trừ phi-lê cá (fillets) và các loại thịt cá khác thuộc nhóm 03.04 / - Cá rô phi (Oreochromis spp.), cá da trơn (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.), cá chép (Cyprinus spp., Carassius spp., Ctenopharyngodon idellus, Hypophthalmichthys spp., Cirrhinus spp., Mylopharyngodon piceus, Catla catla, Labeo spp., Osteochilus hasselti, Leptobarbus hoeveni, Megalobrama spp.), cá chình (Anguilla spp.), cá rô sông Nile(Lates niloticus) và cá quả (cá chuối hoặc cá lóc) (Channa spp.), trừ các phụ phẩm ăn được sau giết mổ của cá thuộc các phân nhóm từ 0302.91 đến 0302.99: / - - Cá da trơn (Pangasius spp., Silurus spp., Clarias spp., Ictalurus spp.): / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 16:34:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03027290/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K330
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N330
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q330
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ330
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY, KR, TH)	0% (trừ MY, KR, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E323
ATIGA	2022	2022	0	AT!E324
ATIGA	2023	2023	0	AT!F324
ATIGA	2024	2024	0	AT!G324
ATIGA	2025	2025	0	AT!H324
ATIGA	2026	2026	0	AT!I324
ATIGA	2027	2027	0	AT!J324
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E326
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F326
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G326
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H326

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I326
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J326
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E324
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F324
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G324
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H324
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I324
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J324
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F324
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H323
AIFTA	30/12/2022	2022	18	AI!F326
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	17	AI!G326
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	16	AI!H326
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	15	AI!I326
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	15	AI!J326
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	15	AI!K326
VKFTA	2022	2022	0	VK!E324
VKFTA	2023	2023	0	VK!F324
VKFTA	2024	2024	0	VK!G324
VKFTA	2025	2025	0	VK!H324
VKFTA	2026	2026	0	VK!I324
VKFTA	2027	2027	0	VK!J324
VCFTA	2022	2022	4	VC!D325
VCFTA	2023	2023	2	VC!E325
VCFTA	2024	2024	0	VC!F325
VCFTA	2025	2025	0	VC!G325

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H325
VCFTA	2027	2027	0	VC!I325
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D326
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E326
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F326
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G326
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H326
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I326
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D25
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E25
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D325
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E325
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F325
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G325
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H325
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I325
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D323
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E323
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F323
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G323
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H323
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I323
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D325
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E325
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F325
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G325

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H325
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I325
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D325
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E325
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F325
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G325
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H325
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I325
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J325
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D324
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E324
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F324
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G324
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H324
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I324
RCEP B	2022	2022	18	B!D324
RCEP B	2023	2023	16	B!E324
RCEP B	2024	2024	14	B!F324
RCEP B	2025	2025	12	B!G324
RCEP B	2026	2026	10	B!H324
RCEP B	2027	2027	8	B!I324
RCEP C	2022	2022	18	C!D324
RCEP C	2023	2023	16	C!E324
RCEP C	2024	2024	14	C!F324
RCEP C	2025	2025	12	C!G324
RCEP C	2026	2026	10	C!H324

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I324
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D324
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E324
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F324
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G324
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H324
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I324
RCEP E	2022	2022	18	E!D324
RCEP E	2023	2023	16	E!E324
RCEP E	2024	2024	14	E!F324
RCEP E	2025	2025	12	E!G324
RCEP E	2026	2026	10	E!H324
RCEP E	2027	2027	8	E!I324
RCEP F	2022	2022	18	F!D324
RCEP F	2023	2023	16	F!E324
RCEP F	2024	2024	14	F!F324
RCEP F	2025	2025	12	F!G324
RCEP F	2026	2026	10	F!H324
RCEP F	2027	2027	8	F!I324
VIFTA	2024	2024	*	VI!F307
VIFTA	2025	2025	*	VI!G307
VIFTA	2026	2026	*	VI!H307
VIFTA	2027	2027	*	VI!I307

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0302.72 có 2 dòng thuế; dòng 0302.72.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	0302.72.10 Cá tra đuôi vàng (Pangasius pangasius)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0302.72.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0302.72.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N330), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Động vật, sản phẩm động vật thủy sản phải kiểm dịch (01/2024/TT-BNNPTNT M5)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.